

“MỘT SỐ VẤN ĐỀ GIÁO DỤC VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỈ XXI”

○ PGS.TS. ĐẶNG QUỐC BẢO*



1. Cuốn sách «Một số vấn đề giáo dục Việt Nam đầu thế kỉ XXI» do GS. VS. NGND. Phạm Minh Hạc biên soạn, nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam ấn hành trong dịp kỉ niệm 20 năm thành lập Hội Khoa học Tâm lí - Giáo dục Việt Nam (tháng 12/2010).

Tác giả Phạm Minh Hạc nguyên là Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Ông đảm nhiệm cương vị này khi giáo dục phổ thông bước vào giai đoạn đổi mới (1988). Trước đó ông là Viện trưởng Viện Khoa học giáo dục (KHGD) Việt Nam (1981-1987) với tâm nguyện đưa thiết chế này phát triển như một viện hàn lâm sư phạm của đất nước. Ông là ủy viên Trung ương Đảng các khóa 6, 7, 8 (1986-2001), phó ban thư nhất kiêm thường trực Ban khoa giáo TW (1996-2003), người sáng lập và là viện trưởng đầu tiên Viện Nghiên cứu con người trong Viện KHXH Việt Nam.

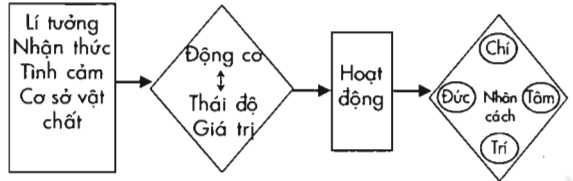
Từ trải nghiệm của bản thân với tư cách nhà KHGD hoạt động lâu năm, người chỉ đạo tổ chức công tác nghiên cứu KHGD, lãnh đạo quản lí ngành giáo dục - đào tạo (GD-ĐT), tham gia lãnh đạo cơ quan tham mưu về khoa giáo của Đảng, ông đã hoàn thành công trình này với nhiều tâm huyết, trí tuệ.

2. Dưới đây xin nêu một vài thu hoạch của bản thân về cuốn sách.

1) Những vấn đề được đề cập trong phần đầu cuốn sách đều hấp dẫn, sinh động (*), giúp người đọc nhận thức đúng đắn về động thái đa chiều của giáo dục đất nước hiện nay như: *Vấn đề 3: Nhân cách - Đối tượng trung tâm giáo dục* (tr. 68); *Vấn đề 5: Giáo dục và dòng chảy Văn hóa - Con người và nguồn nhân lực* (tr. 147); *Vấn đề 7: Tiếp tục đường lối không thương mại hóa giáo dục đào tạo*

(tr. 164); *Vấn đề 20: Giáo dục niềm tin cách mạng* (tr. 233).

Ở vấn đề «*Nhân cách - Đối tượng trung tâm giáo dục*», khi trình bày «*Quan niệm về nhân cách*», «*Cấu trúc nhân cách*»... tác giả đã cung cấp cho người đọc cách tiếp cận của Liên Xô (cũ), của Mĩ và nhiều trào lưu khác, từ đó đề xuất mô hình cấu trúc nhân cách mà nhà trường Việt Nam cần chú ý hình thành, phát triển ở HS.



Luận về «*Nhân cách*», «*Sự phát triển nhân cách*», ở Việt Nam đã có một số công trình. Công trình của Phạm Minh Hạc thể hiện trong một số sách và cuốn sách này giúp người nghiên cứu và hoạt động thực tiễn có nhận thức một cách hệ thống, hài hòa về sự tinh tế, phong phú của phạm trù này.

Từ một vài năm nay, trên sách báo giáo dục nước ta thường quảng bá luận đề «*Nâng cao dân trí - Đào tạo nhân lực - Bồi dưỡng nhân tài*». Ba ngọn cờ hồng này chỉ có thể phấp phới tung bay trên bệ phóng Nhân cách. Song đó là nhân cách có cấu trúc nào? Kiến giải của Phạm Minh Hạc từ tâm lí học hoạt động giúp các nhà giáo dục có tư duy, hành động đúng đắn trong bối cảnh hiện nay của nhà trường Việt Nam.

Ở vấn đề «*Giáo dục và dòng chảy Văn hóa - Con người và Nguồn nhân lực*», xuất phát từ quan điểm tư tưởng của Đại hội X, tác giả đề cập vấn đề phát triển các phạm trù này trước bối cảnh phát triển hiện nay của đất nước.

Tác giả khẳng định: «*Dân trí, dân khí, dân năng cùng với tâm lực, trí lực, thể lực hội tụ lại thành «Vốn người».* Vai trò của giáo dục tự trung lại ở

* Học viện Quản lí giáo dục

chỗ này «Vốn người» khi được sử dụng thành nguồn nhân lực, yếu tố quan trọng nhất trong nội lực của đất nước».

Tất cả mọi người đều phải sống theo phương châm «Học suốt đời». Kinh nghiệm của các nước đi vào công nghiệp là như vậy. Đây là dân trí tạo nên kĩ năng sống, kĩ năng nghề nghiệp, tức là tạo nên năng lực của con người, của các nguồn lao động, trong đó có tác phong lao động. Còn dân khí nữa: Có chí khí của người dân một nước độc lập, xây dựng đất nước theo định hướng XHCN, sống có lương tâm, có văn hóa, không chạy theo hiệu quả kinh tế đơn thuần. Làm được như vậy chúng ta sẽ đưa công cuộc đổi mới lên tầm cao mới, nhân dân ta ngày càng sống ấm no hơn, trí tuệ hơn, nhân văn hơn trong một xã hội chủ nghĩa công bằng văn minh. Tất cả là ở dòng chảy Văn hóa - Con người - Nguồn nhân lực, yếu tố quyết định nội lực của dân tộc và từng con người do giáo dục (bao gồm cả đào tạo, tự học, tự bồi dưỡng) tạo ra».

Ở vấn đề «Tiếp tục đường lối không thương mại hoá giáo dục - đào tạo», tác giả lí giải xác đáng về việc phải phát triển giáo dục chấp nhận cơ chế kinh tế thị trường nhưng không biến nó thành thị trường, thành hàng hoá. «... Giáo dục có quy luật vận hành của nó, nó không phải là hàng hóa thuần túy, hay nói đơn giản hơn, giáo dục không phải là hàng hóa, trường không phải là chợ («Market» cũng có thể chuyển sang tiếng Việt là Chợ). Không có chuyển mua bán; thầy không phải là chủ tiệm, trò không là khách hàng... dạy học trong nghĩa bình thường của từ này, chẳng có chuyện bán nhiều thì mua được nhiều và mua nhiều thì bán nhiều. Suy rộng ra một chút, quy luật cung cầu ở đây nó khác; có khi người ta không muốn đi học hoặc không muốn cho con đi học, nhà nước, nhà giáo phải vận động họ đi học, hoặc cho con đi học».

Mặc dù khiêm tốn tự cho mình «... hiểu biết kinh tế học của tôi rất ít ỏi...», nhưng trước nội dung của vấn đề đặt ra ông luận cứ rất phong phú, sâu sắc và có sức thuyết phục cao. Nó đặt cơ sở phương pháp luận hữu ích cho sự phát triển Kinh tế học giáo dục Việt Nam tránh đi các khuynh hướng thực dụng cực đoan theo chủ nghĩa tư bản tự do mới đồng thời cũng tránh được lối tư duy giáo dục thời bao cấp.

Ở vấn đề «Giáo dục niềm tin cách mạng», tác giả trình bày các khía cạnh: Lí luận cách mạng - cơ sở niềm tin cách mạng; Chủ nghĩa nhân văn

Hồ Chí Minh; Giáo dục niềm tin cách mạng. Nội dung này khép lại với một kết luận rất xúc động: «Thành công của 25 năm đổi mới không ai có thể phủ nhận, nhưng còn vô vàn lo lắng điều ông tiếng ve râm ran khắp nơi,... ý kiến rất phân kì, li tán, phân tâm - có thể nói đây là thách thức lớn nhất hiện nay. Một trong những công tác trọng tâm của chúng ta là «Làm sao trong thôn cùng xóm vắng không có tiếng hờn giận oán sầu» (Nguyễn Trãi), làm cho được việc giáo dục bắt đầu từ thế hệ trẻ trong nhà trường, trong xã hội nhằm xây dựng - khôi phục, củng cố tăng cường niềm tin vào con đường đưa nước nhà thành nước công nghiệp hiện đại phát triển, mở cửa, hòa nhập. Đây là yếu tố tâm lí quyết định sự tồn vong của chế độ».

Nói đến Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, cũng là nhà giáo dục kiệt xuất của đất nước, thời đại, ông viết: «Cốt lõi tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa nhân văn. Đây là một căn cứ để Bác Hồ của chúng ta là một lãnh tụ cộng sản duy nhất được suy tôn là Danh nhân văn hóa thế giới. Cho nên tôi nghĩ có thể nói, chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng lí luận chung và chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là cơ sở lí luận trực tiếp của chủ nghĩa xã hội đang xây dựng ở Việt Nam».

2) **Phần thứ hai** của cuốn sách phản ánh chặng đường phát triển Hội Khoa học Tâm lí - Giáo dục Việt Nam gắn bó chặt chẽ với quá trình đổi mới của đất nước 1990-2010. Phần này gây ấn tượng mạnh bởi chùm các báo cáo kỉ niệm các nhà tâm lí xuất sắc của thế giới: J.Piajer - nhà tâm lí giáo dục học kiệt xuất của thế kỉ XX (tr. 260), L.X. Vygotsky - nhà tâm lí học kiệt xuất của thế kỉ XX (tr. 282), A.R Luria (16/7/1902-14/8/1977) nhà tâm lí học lỗi lạc thế kỉ XX (tr. 295). Các báo cáo này đã thể hiện tấm lòng thành kính của các nhà khoa học tâm lí giáo dục Việt Nam với các bậc thầy lỗi lạc, đồng thời cung cấp luận cứ bổ ích để người làm công tác giáo dục hiểu biết cơ sở tâm lí các lí thuyết dạy học hiện đại mà nhà trường Việt Nam đang tiến hành.

Các báo cáo về chất lượng giáo dục (tr. 316), giáo dục đối thoại liên văn hoá (tr. 320), triết lí giáo dục (tr. 343), sức khoẻ tinh thần (tr. 372), văn hoá học đường (tr. 381) đã mở rộng tầm nhìn cho cán bộ giáo dục trong việc tổ chức quá trình giáo dục - dạy học đạt tới kết quả đích thực. Cần nhấn mạnh đến báo cáo số 14 đã gọi lên

một vấn đề quan trọng khác: Vấn đề lí luận giá trị (giá trị học).

Tác giả, sau khi dẫn luận về thuật ngữ triết học giáo dục, đã chỉ ra: «*Thuật ngữ «Triết lí» cụ thể hơn, có khi vận dụng thành triết học của từng người giáo viên... người thầy giáo là người mang các giá trị xã hội truyền thụ cho sinh viên lĩnh hội và sống bằng các giá trị ấy cùng với giá trị khác của bản thân. Từ tâm thế tích cực này mà xây dựng lí tưởng nghề nghiệp (lí tưởng sư phạm) lương tâm nghề nghiệp (lương tâm nhà giáo). Không có cái này ở các nhà giáo không nói gì đến chất lượng giáo dục. Không thể thiếu những giá trị đó trong nhân cách người thầy giáo».*

Đồng thời với sự xuất bản tác phẩm này, tác giả còn công bố cuốn sách: «*Giá trị học, cơ sở lí luận góp phần đúc kết xây dựng giá trị chung của người Việt Nam thời nay*». Hai cuốn sách đã hỗ trợ, bổ sung cho nhau về chủ đề tư tưởng. Những nội dung trong sách «*Một số vấn đề giáo dục Việt Nam đầu thế kỉ XXI*» đều hàm chứa một ý tưởng nào đó của giá trị học.

3) Phần thứ ba của cuốn sách là bức tranh sinh động phản ánh một số khía cạnh của hiện thực phát triển giáo dục ở nước ta qua bốn năm gần đây. Phần này gồm 63 bài trả lời phỏng vấn của tác giả, là một sự bổ sung «*lí thú*» cho phần 1, phần 2. Khi ấn hành cuốn sách, tác giả cho giữ nguyên nội dung trả lời đã được phóng viên biên tập, vì như tác giả chỉ ra: «*... Phải tôn trọng nguyên tắc «Biên niên», giữ nguyên quyền tác giả của các phóng viên và làm sao thực hiện mong muốn nêu được một số vấn đề cần quan tâm và sớm giải quyết của nền giáo dục chúng ta».*

Ở các bài trả lời: «*Trường không phải là chợ, giáo dục không phải là hàng hoá*», «*Trước những bạo hành trong nhà trường, cần xây dựng «Sứ đức» như «Y đức», «Phanh hai không» quá gấp, «Tặng học phí»*: Thế giới không hiểu nổi, «*Tài chính trong giáo dục: bí mật của các bí mật*», người đọc thấy tác giả có thái độ rất thẳng thắn nhưng lại có tấm lòng đôn hậu trước các sự việc. Ông có nhận xét về điều chưa chuẩn, nhưng rồi ân cần chỉ ra những việc phải uốn nắn để giáo dục có chất lượng hơn, hiệu quả cao hơn, nhân văn hơn.

Ở bài trả lời phỏng vấn nhan đề: «*Diễn đàn «có nên giũ cột bài thi của HS?»... cần một quy định chính thức*», tác giả nêu một việc làm

còn thiếu sự tinh tế nhân văn ở cả hai giới: báo chí và quản lí giáo dục như sau: «*Mỗi kì thi có hàng triệu HS, một trường có hàng trăm em thì hiện tượng những bài văn dở cười, dở khóc báo chí nêu chỉ cá biệt...*

Tôi nghĩ đưa bài thi của các em lên để giũ cột là không nên. Mục đích của việc đưa lên và đưa đồng loạt ở các báo như vậy, cũng có mục đích muốn mọi người nhìn nhận lại thực trạng học văn, nhưng tiếc là cách giáo dục gián tiếp này chưa tế nhị và không khéo gây tác dụng ngược... Tôi nghĩ chống tiêu cực, phê bình nếu thấy yếu kém là điều cần phải làm, nhưng chống tiêu cực trong giáo dục khác với những ngành khác và cách phê bình cũng nên nghiêm túc tế nhị...

...Việc quy định GV không được trích dẫn đưa những đoạn văn ra ngoài thuộc về nội dung quản lí nhà nước. Quyền hạn và trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo là ra những quyết định liên quan đến thi cử, giữ trật tự kỉ cương trong trường học... Vì vậy Bộ nên có văn bản chấn chỉnh việc này. Không cho công bố không phải là giấu yếu kém mà phải xét rõ nguyên nhân cụ thể của hiện tượng đó. Muốn chấn chỉnh, muốn phê phán thì người lớn phải coi lại mình trước».

4) Khép lại công trình, như một kết luận, tác giả đề xuất định hướng phát triển giáo dục 2011-2020. Đây vừa là ý kiến của tác giả, vừa là do tác giả tổng hợp ý kiến của giới tâm lí - giáo dục học mà Hội tổ chức thu thập góp ý cho Văn kiện Đại hội XI về chiến lược giáo dục đào tạo 2011-2020.

Tác giả nêu ra 3 mâu thuẫn và 10 thách thức của phát triển giáo dục hiện nay, từ đó đề xuất 6 định hướng: 1) Phát triển GD-ĐT phục vụ có hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội; 2) Mục tiêu trung tâm: Phát triển toàn diện bền vững con người; 3) Nhiệm vụ thường xuyên: Phổ cập giáo dục - «Ai cũng được học hành», «Giáo dục cho mọi người»; 4) Kết hợp hài hoà phát triển giáo dục - đào tạo đại trà và mũi nhọn, có tính đến vùng miền; 5) Phát huy vai trò tích cực chủ động sáng tạo của nhà giáo và học sinh, nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp GD-ĐT; 6) Đầu tư cho GD-ĐT là đầu tư cơ bản - đầu tư vào con người, tạo nên «Vốn người» - đầu tư phát triển.

3. Hiện nay dư luận xã hội đang có nhiều lo lắng trước những việc còn ngổn ngang và dở

(Xem tiếp trang 64)

ĐH biết rõ những việc cần làm, cần thể hiện trong quá trình tổ chức và thực hiện THN. Trên thực tế, các tài liệu này trở thành cẩm nang của GVTL trong THN.

Dạy học là một nhiệm vụ phức tạp, các chương trình ĐTGV của hai trường ĐH thừa nhận mô hình phát triển nghề nghiệp của các GVTL được diễn ra trong chính quá trình hoạt động THN trong trường phổ thông. Do vậy, các mong đợi và sự đánh giá các GVTL được duy trì tiêu điểm lên các chuẩn tốt nghiệp GV - như là một sự kết nối với chuẩn nghề nghiệp GV đang hiện hành. Các GVTL đều được đánh giá sự phát triển nghề nghiệp (trong quá trình ĐT) một cách toàn diện về kiến thức, kỹ năng và thái độ (hay sự tận tâm) nghề nghiệp. Chẳng hạn, thạc sĩ giảng dạy của ĐH Sedney sẽ được đánh giá kết quả THN (theo chuẩn GV tốt nghiệp) dựa trên các yếu tố sau: 1) Kiến thức về các nội dung môn học và cách dạy các nội dung đó cho HS; 2) Kiến thức về HS và cách các em học; 3) Lập kế hoạch, đánh giá và trình bày việc học có hiệu quả; 4) Giao tiếp có hiệu quả với HS; 5) Sáng tạo và duy trì sự an toàn cũng như thách thức các môi trường học tập thông qua sử dụng các kỹ năng quản lý; 6) Tiếp tục nâng cao trong kiến thức và THN; 7) Sự cam kết tích cực như là một thành viên nghề nghiệp và cộng đồng.

Hơn nữa, trong cơ cấu quản lý chương trình học thuật ở các trường ĐH có hẳn một *ủy ban thực hành, thực tập* (với sự tham gia của GV hướng dẫn, giám sát thực hành, hiệu trưởng các trường TH liên kết,...) có trách nhiệm *xác định lịch trình* các hoạt động mà GVTL sẽ thực hiện trong quá trình THN (với các nhiệm vụ có thể đánh giá được); giám sát các hoạt động THN; *kiến nghị* điều chỉnh đối với các hoạt động thực hành này với Ủy ban chương trình. Ngoài ra, trong các thành viên tham dự vào ủy ban cố vấn chương trình cũng có các GV hướng dẫn đến từ những trường TH liên kết và đại diện của GV nhằm đảm bảo chương trình đáp ứng được những yêu cầu của trường TH và chuẩn nghề nghiệp của GV TH. Thậm chí, trong luận chứng chương trình của các trường ĐH, thường đòi hỏi giải thích lý thuyết học tập và giảng dạy được gắn kết ra sao với việc THN. Trong cấu trúc chương trình, có quan tâm đến vấn đề phát triển kỹ năng thực hành ở người học. Ở mục nguồn lực cũng bao gồm các khoản kinh phí cho hoạt động THN.

Tóm lại, trong chương trình ĐTGV, THN là môn học giữ vai trò then chốt trong việc rèn luyện và phát triển nghề nghiệp cho các GVTL. Việc tổ chức

THN một cách khoa học đã tạo nên những điểm nhấn đặc biệt cho các chương trình ĐTGVTH, đó là chú trọng sự tương tác giữa lý luận và thực tiễn, giữa kinh nghiệm và lý thuyết cũng như coi trọng sự trải nghiệm của học viên trong ĐT nghề và sự kết nối việc ĐT với chuẩn nghề nghiệp GVTH. □

Tài liệu tham khảo

- 1) Christine Ure - Partrick Griffin (Nguyễn Thị Kim Cúc dịch). **Báo cáo về các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên tiểu học**, 2009.
- 2) Melbourne Graduate Schoole of Education. **Professional Practice Induction Booklet**. 2010.
- 3) The University of Sedney. Faculty of Education and Social work, Teacher Education: **Professional Experience Handbook**. 2010.

Một số vấn đề...

(Tiếp theo trang 60)

dang của giáo dục đất nước khi thực hiện hai nhiệm vụ nhân cách - nhân lực. Tuy nhiên, sau khi đọc sách của Phạm Minh Hạc người đọc thấy ấm áp niềm tin tìm được lối ra cho một số bế bộn hiện nay.

Cuốn sách có ích cho nhà quản lý giáo dục ở cấp vĩ mô, người làm chính sách giáo dục, người nghiên cứu KHGD, cán bộ quản lý nhà trường, GV trên bục giảng. Họ có thể tìm thấy ở đây những điểm tựa tư duy góp phần chấn hưng giáo dục, dạy học. Cuốn sách còn là tài liệu tham khảo cần thiết cho công tác huấn luyện đào tạo, tự học đối với các nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên các trường sư phạm, trường đại học giáo dục, học viện và các khoa quản lý giáo dục. □

(*) Ngoài các vấn đề 3, 5, 7, 20 nêu trên, chương này còn có các vấn đề:

65 nền giáo dục nhân dân (tr 21), Giáo dục và phát triển (tr 38), Xây dựng con người và phát triển nguồn nhân lực (tr 105), Xã hội hóa giáo dục (tr 109), Tâm lý học đường (tr 174), Mấy ý kiến về giáo dục đại học (tr 182), Tiếp tục đổi mới hệ các trường chuyên theo quỹ đạo khoa học (tr 185), Giáo dục nhân bản: phát triển con người bền vững (tr 195), Giáo dục nhân văn: nhân cách người dạy - nhân cách người học (tr 203), Bài học một mô hình (tr 210), Báo cáo với Thủ tướng về giáo dục (tr 216), Góp ý kiến gửi tiểu ban tổng kết bổ sung phát triển cương lĩnh (tr 220), Phát biểu tại Hội thảo về sửa chữa và bổ sung Luật Giáo dục (tr 222), Học tập được rất nhiều ở UNESCO (tr 229).